

Điện Biên, ngày 5. tháng 10 năm 2018

Số: 229 /BC-TCTLN

BÁO CÁO THUYẾT MINH

Kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m trên địa bàn tổ dân phố 18, phường Him Lam (phương án Hạ tầng khung tổ 18, phường Him Lam) đợt 5

1. Căn cứ thẩm định

- a) Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- b) Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- c) Căn cứ Thông tư số 37/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- d) Căn cứ Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- e) Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy định hạn mức giao đất, công nhận QSD đất; diện tích tối thiểu được phép tách thửa và hạn mức đất xây dựng phần mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, cây trồng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành chính

sách đặc thù các hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m thành phố Điện Biên Phủ; Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Ban hành bổ sung một số chính sách đặc thù khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện Dự án đầu tư bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu tái định cư Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vành đai II: Nối tiếp khu tái định cư Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu tái định cư Pú Tửu thị trấn huyện Điện Biên và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung, khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m, thành phố Điện Biên Phủ.

f) Căn cứ Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khung dọc trục 60m và khu tái định cư khu 1, khu 2 và khu 3 phường Him Lam, khu tái định cư bản Phiêng Bua, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Biên bản làm việc liên ngành thống nhất giá đất ở trung bình để tính hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đường 60m và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn phường Him Lam và phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ ngày 07/3/2017.

g) Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

h) Căn cứ Văn bản số 40/HĐND-KTNS ngày 16/3/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m; Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m; Văn bản số 2620/UBND-TH ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc xử lý một số tồn tại vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư một số dự án trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.

i) Căn cứ .

2. Hồ sơ tài liệu liên quan

a) Trên cơ sở Tờ trình số 71/TTr-TTPTQĐ ngày 02/10/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất về việc đề nghị thẩm định điều chỉnh phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m phường Him Lam, phường Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ.; Hồ sơ, tài liệu phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Trung tâm phát triển quỹ đất cung cấp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của hồ sơ đất đai, hộ khẩu, tính chính xác của số liệu

kê khai, kiểm đếm thiệt hại về tài sản, vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi trên đất khi thu hồi đất để thực hiện dự án.

b) Kế hoạch, Thông báo: Kế hoạch thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 344/KH-UBND ngày 20/4/2016 của UBND thành phố Điện Biên Phủ; Thông báo thu hồi đất số 656/TB-UBND ngày 28/6/2017 của UBND thành phố Điện Biên Phủ.

c) Hồ sơ quy chủ: Trích lục chính lý bản đồ địa chính khu đất xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m trên địa bàn phường Him Lam, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 20/4/2018.

3. Nội dung thống nhất

Trên cơ sở quy định hiện hành về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, các quy định chính sách pháp luật hiện hành liên quan; hồ sơ, tài liệu, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án do Trung tâm phát triển quỹ đất trình; Biên bản thống nhất của Tổ công tác liên ngành về việc áp dụng các chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư, áp giá bồi thường hỗ trợ để xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi, các chính sách hỗ trợ cho người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m ngày 5 tháng 10 năm 2018; Cụ thể như sau:

3.1. Bồi thường, hỗ trợ về đất

a) Diện tích thẩm định điều chỉnh bổ sung về đất là: 78,5m² đất ở đang thuộc quyền sử dụng của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tổ dân phố 18, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75, Điều 79 Luật Đất đai năm 2013.

b) Đơn giá áp dụng: Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khung dọc trục 60m và khu tái định cư khu 1, khu 2 và khu 3 phường Him Lam, khu tái định cư bản Phiêng Bua, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

c) Kết quả thẩm định điều chỉnh bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất là: **87.920.000 đồng**. (Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

| | | | |
|-----------------|---|---|--|
| Nội dung | Tờ trình số 71/TTr- TTPTQĐ ngày 02/10/2018 Trung tâm PTQĐ trình (đồng) | Số liệu Tổ công tác liên ngành thẩm định điều chỉnh bổ sung (đồng) | Chênh lệch (Tăng +, Giảm -) |
|-----------------|---|---|--|

| | | | |
|----------------------------|------------|------------|------------|
| Bồi thường, hỗ trợ về đất: | 90.275.000 | 87.920.000 | -2.355.000 |
| Tổng cộng | 90.275.000 | 87.920.000 | -2.355.000 |

(Có biểu chi tiết kèm theo)

* Chênh lệch giảm -2.355.000 đồng so với Tờ trình số 71/TTr-TTPTQĐ ngày 02/10/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất, do Trung tâm PTQĐ áp nhằm đơn giá, Tổ công tác áp lại đơn giá theo đúng quy định.

3.2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản vật kiến trúc

a) Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc

* Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: áp dụng đơn giá ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, cây trồng và vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

* Mức bồi thường, hỗ trợ:

- Bồi thường 100% giá trị tài sản, vật kiến trúc xây dựng trên đất đối đối với các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở.

- Hỗ trợ 80% giá trị tài sản, vật kiến trúc xây dựng trên đối đối với các trường hợp xây dựng trên đất nông nghiệp, không phải là đất ở.

- Đối với một số tài sản, vật kiến trúc không có đơn giá trong Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10/3/2015 của UBND tỉnh Điện Biên, Bộ phận xây dựng Tổ công tác liên ngành tỉnh căn cứ vào Đơn giá xây dựng công trình của tỉnh và báo giá của các đơn vị sản xuất.

- Một số loại vật tư: lưới B40, sắt, thép, ống nước... lấy theo Công bố giá VLXD của Liên Sở Tài chính - Xây dựng tại thời điểm thẩm định.

c) Kết quả thẩm định giá trị bồi thường, hỗ trợ 20.407.080 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu bốn trăm linh bảy nghìn không trăm tám mươi đồng.).

| Nội dung | Tờ trình số 71/TTr-TTPTQĐ ngày 02/10/2018 Trung tâm PTQĐ trình (đồng) | Số liệu Tổ công tác liên ngành thẩm định (đồng) | Chênh lệch tăng(+); giảm(-) (đồng) |
|--|---|---|------------------------------------|
| Giá trị bồi thường, hỗ trợ, tài sản, vật kiến trúc | 20.549.580 | 20.407.080 | -142.500 |
| Tổng cộng | 20.549.580 | 20.407.080 | -142.500 |

*Chênh lệch so với Tờ trình số 71/TTr-TTPTQĐ ngày 02/10/2018 của Trung tâm phát triển quỹ là: -142.500 đồng; do thẩm định lại đơn giá theo đúng quy định. (Có biểu chi tiết kèm theo)

3.3. Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng vật nuôi và các khoản hỗ trợ khác

a) Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng vật nuôi

Đơn giá bồi thường về cây trồng vật nuôi áp giá theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về tài sản, cây trồng và vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

b) Các khoản hỗ trợ

* Thực hiện chính sách hỗ trợ bao gồm:

- Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ theo điểm a, khoản 1, Điều 16 của quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Điện Biên được quy định như sau:

+ Hỗ trợ 30.000 đồng/m² đất đối trường hợp chủ sử dụng đất, chủ sở hữu nhà bị thu hồi một phần đất nhưng không phải phá dỡ nhà ở, công trình, vật kiến trúc trên đất nhưng tối đa không quá:

(1) 3.000.000 đồng/chủ sử dụng đất, đối trường hợp di chuyển, bàn giao mặt bằng trước ngày quy định từ 15 ngày trở lên;

(2) 2.000.000 đồng/chủ sử dụng đất, đối trường hợp di chuyển, bàn giao mặt bằng trước ngày quy định trong phạm vi 15 ngày;

(3) 1.000.000 đồng/chủ sử dụng đất, đối trường hợp di chuyển, bàn giao mặt bằng đúng ngày quy định;

c) Kết quả thẩm định về cây trồng vật nuôi và các khoản hỗ trợ là **10.545.596 đồng** (Mười triệu năm trăm bốn mươi năm nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng).

| Nội dung | Tờ trình số 71/TTr-TTPTQĐ ngày 02/10/2018 (đồng) | Số liệu thẩm định (đồng) | Chênh lệch tăng(+), giảm(-) (đồng) |
|---------------------------------|--|--------------------------|------------------------------------|
| - Giá trị về cây trồng vật nuôi | 8.190.596 | 8.190.596 | 0 |
| - Giá trị các khoản hỗ trợ: | 2.355.000 | 2.355.000 | 0 |
| Tổng cộng | 10.545.596 | 10.545.596 | 0 |

(Có biểu chi tiết các khoản hỗ trợ kèm theo)

3.4. Kinh phí tổ chức thực hiện

a) Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015. Tổ công tác thẩm định kinh phí tổ chức thực hiện như sau:

| Nội dung | Số liệu Tổ công tác thẩm định điều chỉnh (đồng) |
|---|---|
| - Kinh phí điều chỉnh bổ sung tổ chức thực hiện | 2.377.454,0 |
| - Kinh phí điều chỉnh bổ sung dự phòng tổ chức cưỡng chế: | 237.745,0 |
| Tổng cộng: | 2.615.199 |

b) Phân bổ kinh phí

- Kinh phí thẩm định chuyển về Tổ công tác liên ngành thẩm định (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) là **23%** tổng kinh phí tổ chức thực hiện.

- Kinh phí phê duyệt phương án chuyển về UBND thành phố Điện Biên Phủ là **2%** tổng kinh phí tổ chức thực hiện

- Phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m phải xây dựng giá đất cụ thể để bồi thường, hỗ trợ về đất nên khoản kinh phí **5%** chuyển về sở Tài chính để chi phí cho Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh.

- Còn lại **70%** kinh phí tổ chức thực hiện được chuyển cho Trung tâm phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để chi cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Mức trích tỷ lệ % cụ thể cho các cơ quan, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại thành phố Điện Biên Phủ do Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ ban hành theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 3 Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Điện Biên.

3.5. Kết quả thẩm định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Tổ công tác liên ngành

Tổng kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư **121.487.875,0** đồng (*Một trăm hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng.*).

Cụ thể các hạng mục như sau:

| | | |
|--|--------------|------|
| - Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về đất: | 87.920.000,0 | đồng |
| - Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về tài sản vật kiến trúc: | 20.407.080,0 | đồng |
| - Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng vật nuôi: | 8.190.596,0 | đồng |
| - Kinh phí điều chỉnh bổ sung hỗ trợ: | 2.355.000,0 | đồng |
| - Kinh phí điều chỉnh bổ sung tổ chức thực hiện 2% trên tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án: | 2.377.454,0 | đồng |
| - Kinh phí điều chỉnh bổ sung dự phòng tổ chức cưỡng chế 10% trên tổng giá trị | 237.745,0 | đồng |

| | | |
|--|--------------------|------|
| kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án: | | |
| Tổng cộng | 121.487.875 | đồng |

(Có biểu tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ kèm theo)

Trên đây là báo cáo thuyết minh kết quả thẩm định điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ, về đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi và các khoản hỗ trợ cho hộ gia đình cá nhân và tổ chức thuộc phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m trên địa bàn tổ dân phố 18, phường Him Lam (phương án Hạ tầng khung tổ 18 phường Him Lam) đợt 5. Tổ công tác liên ngành tổng hợp thuyết minh báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND thành phố Điện Biên Phủ phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND TP Điện Biên Phủ;
- TTPTQĐ; CNTTPTQĐ TP ĐBP;
- Ban QLDA TP Điện Biên Phủ;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường- TP ĐBP;
- Lưu: VT, TCT.

**KT. TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÓ**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Ngôn Ngọc Khuê**

BIỂU 01: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT CHO CÁC HỘ DÂN CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI THUỘC DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG ĐẠC TRỤC ĐƯỜNG 60M TRÊN ĐỊA BÀN TÔ 18 PHƯỜNG HIM LAM, THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh số: 229/BC-TCTLN ngày 5 tháng 10 năm 2018 của Tổ công tác liên ngành theo Quyết định 875)

Đơn vị tính: Đồng

| Tờ trình số 71/TT-TTPTQĐ ngày 02/10/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất | | | | | | | | Kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ về đất của Tổ công tác liên ngành | | | | | | | | | | | |
|---|--|----------------|---------|-------|---|--------------------------------|-------------------|--|--|----------------|---------|-------|---|--------------------------------|-------------------|------------|---|--------------------------------|---------|
| Stt | Họ và Tên | ĐVT | Số thửa | Tờ BĐ | Diện tích đủ điều kiện bồi thường (m ²) | Đơn giá (đồng/m ²) | Thành tiền (đồng) | Stt | Họ và Tên | ĐVT | Số thửa | Tờ BĐ | Diện tích đủ điều kiện bồi thường (m ²) | Đơn giá (đồng/m ²) | Thành tiền (đồng) | Chênh lệch | Nguồn gốc sử dụng đất | Điều kiện bồi thường | Ghi chú |
| 1 | 2 | 3 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 1 | 2 | 3 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | 12 | 11 | |
| | TÔ 18 - P. HIM LAM | | | | | | | | TÔ 18 - P. HIM LAM | | | | | | | | | | |
| 1 | Lò Văn Phóng - Hoàng Thị Liên Anh | | | | | | 46.115.000 | 39 | Lò Văn Phóng - Hoàng Thị Liên Anh | | | | | | 44.912.000 | -1.203.000 | | | |
| a | Bồi thường về đất. | | | | | | 46.115.000 | a | Bồi thường về đất. | | | | | | 44.912.000 | -1.203.000 | | | |
| | Đất ở đô thị: Các đường bê tông còn lại dưới 3m, VT1 | m ² | 83 | 80 | 40,1 | 1.150.000 | 46.115.000 | | Đất ở đô thị: Đường đất từ 3 đến dưới 5m, vị trí 1 | m ² | 83 | 80 | 40,1 | 1.120.000 | 44.912.000 | -1.203.000 | Nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tuấn Anh từ tháng 6 năm 2013 theo giấy tờ chuyển nhượng 100m ² | Điều 75, 79 Luật đất đai 2013; | |
| b | Hỗ trợ về đất | | | | | | | b | Hỗ trợ về đất | | | | | | | 0 | | | |
| c | Về tái định cư | | | | | | | c | Về tái định cư | | | | | | | 0 | | | |
| 2 | Nguyễn Anh Tuấn - Trần Thị Hương | | | | | | 44.160.000 | 40 | Nguyễn Anh Tuấn - Trần Thị Hương | | | | | | 43.008.000 | -1.152.000 | | | |
| a | Bồi thường về đất. | | | | | | 44.160.000 | a | Bồi thường về đất. | | | | | | 43.008.000 | -1.152.000 | | | |
| | Đất ở đô thị: Các đường bê tông còn lại dưới 3m, VT1 | m ² | 86 | 80 | 38,4 | 1.150.000 | 44.160.000 | | Đất ở đô thị: Đường đất từ 3 đến dưới 5m, vị trí 1 | m ² | 86 | 80 | 38,4 | 1.120.000 | 43.008.000 | -1.152.000 | Có giấy CNQSDĐ số H17075/QSDĐ được UBND thành phố Điện Biên Phủ cấp GCN ngày 15/11/2010 | Điều 75, 79 Luật đất đai 2013; | |
| | Thu hồi đường 60m | m ² | 86 | 80 | 125,8 | 0 | - | | Thu hồi đường 60m | m ² | 86 | 80 | 125,8 | 0 | - | 0 | | | |
| | Tổng Cộng | | | | 78,5 | | 90.275.000 | | Tổng Cộng | | | | 78,5 | | 87.920.000 | -2.355.000 | | | |

BIỂU 2: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN, VKT CHO CÁC HỘ DÂN CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI THUỘC DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG DỌC TRỰC ĐƯỜNG 60M PHƯỜNG HIM LAM, PHƯỜNG NOONG BUA, THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh số: 229./BC-TCTLN ngày 5 tháng 10 năm 2018 của Tổ công tác liên ngành theo Quyết định 875)

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Phương án điều chỉnh, bổ sung Tờ trình số 71/TTr-TTPTQĐ ngày 02/10/2017 | | | | | | ST T | Phương án điều chỉnh, bổ sung | | | | | | Chênh lệch |
|----------|---|----------------|---------------|-------------------|-------------------|----------------------|---------|---|----------------|---------------|-------------------|-------------------|----------------------|-----------------|
| | Họ tên chủ hộ | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Mức BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | | Họ tên chủ hộ | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Mức BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | |
| A | PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG MỚI | | | | | | | PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG MỚI | | | | | | |
| | TỔ 18 - P. HIM LAM | | | | | | | TỔ 18 - P. HIM LAM | | | | | | |
| 1 | Lò Văn Phóng - Hoàng Thị Liên Anh | | | | | 17.035.200 | 39 | Lò Văn Phóng - Hoàng Thị Liên Anh | | | | | 17.035.200 | 0 |
| | Tài sản, vật kiến trúc | | | | | | | Tài sản, vật kiến trúc | | | | | | |
| | Bán mái nhà khung cột sắt, mái lợp tôn, nền láng xi măng, thưng tôn, trần nhựa =(5*7) | m ² | 35,00 | 486.720 | 100% | 17.035.200 | | Bán mái nhà khung cột sắt, mái lợp tôn, nền láng xi măng, thưng tôn, trần nhựa =(5*7) | m ² | 35,00 | 486.720 | 100% | 17.035.200 | 0 |
| 2 | Nguyễn Anh Tuấn - Trần Thị Hương | | | | | 0 | 40 | Nguyễn Anh Tuấn - Trần Thị Hương | | | | | 0 | 0 |
| | Tài sản, vật kiến trúc | | | | | | 0 | Tài sản, vật kiến trúc | | | | | | 0 |
| B | | | | | | | | | | | | | | |
| | TỔ 18 - P. HIM LAM | | | | | | | TỔ 18 - P. HIM LAM | | | | | | |
| 3 | Trương Lương Thịnh | | | | | 1.946.880 | 2 | Trương Lương Thịnh | | | | | 1.946.880 | 0 |
| | Tài sản, vật kiến trúc bổ sung | | | | | | | Tài sản, vật kiến trúc bổ sung | | | | | | |
| | Sân lát gạch vỉa hè trước nhà =(8*1,5) | m ² | 12,00 | 162.240 | 100% | 1.946.880 | | Sân lát gạch vỉa hè trước nhà =(8*1,5) | m ² | 12,00 | 162.240 | 100% | 1.946.880 | 0 |
| 4 | Phạm Văn Bắc | | | | | 1.567.500 | 6 | Phạm Văn Bắc | | | | | 1.425.000 | -142.500 |
| | Tài sản, vật kiến trúc bổ sung | | | | | | | Tài sản, vật kiến trúc bổ sung | | | | | | |
| | Hàng rào B40 =(1,5*25)*1,9 kg/m ² | kg | 71,25 | 22.000 | 100% | 1.567.500 | | Hàng rào B40 =(1,5*25)*1,9 kg/m ² | kg | 71,25 | 20.000 | 100% | 1.425.000 | -142.500 |
| | Tổng cộng | | | | | 20.549.580 | | Tổng cộng | | | | | 20.407.080 | -142.500 |

BIỂU 4: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC KHOẢN HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ DÂN CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI THUỘC DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG ĐỌC TRỤC ĐƯỜNG 60M PHƯỜNG HIM LAM, PHƯỜNG NOONG BUA, THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh số 227 ngày 5 tháng 10 năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

| Số liệu tại tờ trình số 71/TTR-TTPTQĐ ngày 02/10/2018 của Trung tâm PTQĐ | | | | | | | | | Kết quả thẩm định của Tổ công tác liên ngành | | | | | | | Chênh lệch | | | | |
|--|-----------------------------------|--|---|--|---------------------------------|--------------------------------------|---|------------------|--|-----|-----------------------------------|--|---|--|---------------------------------|------------|---|------------------|------------------|------------|
| STT | Họ và Tên | Diện tích đủ điều kiện bồi thường (m2) | | | | | Hỗ trợ khuyến khích DC theo tiến độ đối với chủ sử dụng đất chủ sở hữu nhà bị thu hồi một phần đất nhưng không phải phá dỡ nhà ở, công trình VKT trên đất (hỗ trợ 30.000) | | Tổng tiền | STT | Họ và Tên | Diện tích đủ điều kiện bồi thường (m2) | | | | | Hỗ trợ khuyến khích DC theo tiến độ đối với chủ sử dụng đất chủ sở hữu nhà bị thu hồi một phần đất nhưng không phải phá dỡ nhà ở, công trình VKT trên đất (hỗ trợ 30.000) | | Tổng tiền | |
| | | Đất ở đô thị (ODT) (m ²) | Đất trồng cây lâu năm (CLN) (m ²) | Đất trồng cây hàng năm (BHK) (m ²) | Đất lúa (LUC) (m ²) | Đất thủy sản (TSN) (m ²) | Đơn giá | Thành tiền | | | | Đất ở đô thị (ODT) (m ²) | Đất trồng cây lâu năm (CLN) (m ²) | Đất trồng cây hàng năm (BHK) (m ²) | Đất lúa (LUC) (m ²) | | Đất thủy sản (TSN) (m ²) | Đơn giá | | Thành tiền |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 39 | Lò Văn Phóng - Hoàng Thị Liên Anh | 40,1 | | | | | 30.000 | 1.203.000 | 1.203.000 | 39 | Lò Văn Phóng - Hoàng Thị Liên Anh | 40,1 | | | | | 30.000 | 1.203.000 | 1.203.000 | 0 |
| 40 | Nguyễn Anh Tuấn - Trần Thị Hương | 38,4 | | | | | 30.000 | 1.152.000 | 1.152.000 | 40 | Nguyễn Anh Tuấn - Trần Thị Hương | 38,4 | | | | | 30.000 | 1.152.000 | 1.152.000 | 0 |
| TỔNG CỘNG | | 78,5 | 0 | 0,0 | 0 | 0 | | 2.355.000 | 2.355.000 | | TỔNG CỘNG | 78,5 | 0 | 0,0 | 0 | 0 | | 2.355.000 | 2.355.000 | 0 |